

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L X
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27/9/2018

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L X**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Mỹ Hương

2. Ông Trần Hùng Bích

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L X.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L X tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Kim Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thành phố L X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 260/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018 về việc “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1/Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Anh Đ, sinh năm 1988; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 2, đường số 1, tổ T, khóm Đ, phường M, thành phố LX, tỉnh An Giang.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Bùi Thị Anh Đ: Ông Trần Tiến Vinh - Luật sư của văn phòng luật sư Tiến Vinh (vắng mặt).

2/Bị đơn: Ông Võ Thành C, sinh năm 1984; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Tân T, xã Tân H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số 2, đường số 1, tổ T, khóm Đ, phường M, thành phố L X, tỉnh An Giang.

I. NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 05/4/2018 và bản tự khai ngày 16/4/2018 và tại biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà Bùi Thị Anh Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Anh Đ và ông Võ Thành C là do tìm hiểu và quen biết nhau, tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (giấy chứng nhận kết hôn số 78, quyển số 01/2007 ngày 07/6/2007). Hôn nhân lần thứ nhất của cả hai. Sau khi kết hôn, bà Đ và ông C sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, cờ bạc, uống rượu thường xuyên không quan tâm đến vợ và con, bà Đ nhiều lần khuyên can vì tình nghĩa vợ chồng để ông có thay đổi tính tình, nhưng ông C vẫn không thay đổi bà cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống không hạnh phúc nên bà Bùi Thị Anh Đ yêu cầu ly hôn với ông Võ Thành C.

- Về quan hệ con chung: bà Đ và ông C có 01 (một) con chung tên Võ Thị Anh T, sinh ngày 02/9/2005. Bà Đ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T. Nếu tòa án chấp nhận ly hôn, bà Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung cháu T và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Trong quá trình tố tụng bị đơn ông Võ Thành C không đến và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Đ, yêu cầu nuôi con của bà Đ.

- *Tại phiên tòa hôm nay:*

Bà Bùi Thị Anh Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 20/9/2018 lý do bà đi làm xa không thể dự phiên tòa. Luật sư Trần Tiến Vinh là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Bùi Thị Anh Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 21/9/2018 lý do ông không thể tham dự phiên tòa.

Ông Võ Thành C vắng mặt đến lần thứ hai không lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Võ Thành C theo thủ tục chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L X phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà Bùi Thị Anh Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 20/9/2018, luật sư Trần Tiến Vinh có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt 21/9/2018; ông Võ Thành C vắng mặt lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và ông C là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ do mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: xem xét chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà Đ để đảm bảo ổn định về tinh thần và đảm bảo về quyền lợi về mọi mặt cho cháu Võ Thị Anh T, sinh ngày 02/9/2005. Về cấp dưỡng nuôi con do bà Đ không có yêu cầu ông C nên ông C không phải cấp dưỡng nuôi con chung, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn bà Đ trình bày không có. Do ông C không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

II. NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Bà Bùi Thị Anh Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 20/9/2018. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Bùi Thị Anh Đ: Luật sư Trần Tiến Vinh có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 21/9/2018 lý do ông không thể tham dự phiên tòa.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

Tranh chấp giữa bà Bùi Thị Anh Đ với ông Võ Thành C là tranh chấp yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố L X theo quy định tại điểm a

khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân thành phố L X thụ lý giải quyết.

[2] Quá trình giải quyết, Tòa án tiến hành tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự và tiến hành thu thập chứng cứ là biên bản xác minh tình trạng cư trú của bị đơn và được Công an phường M xác định ông Võ Thành C có tạm trú tại số 2, đường số 1, tổ T, khóm Đ, phường M, thành phố L X, tỉnh An Giang. Do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Võ Thành C.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Anh Đ với ông Võ Thành C kết hôn lần thứ nhất trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 78, quyển số 01/2007 ngày 07/6/2007 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo qui định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay vợ chồng bà Đ và ông C phát sinh mâu thuẫn, bà Đ xin ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp các qui định của pháp luật tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4] Bà Đ trình bày, giữa bà với ông C về thời gian chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng, Hội đồng xét xử xét thấy, trong cuộc sống chung bà Đ và ông C đã có phát sinh mâu thuẫn một thời gian dài và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do ông C không chăm lo cho gia đình, cờ bạc và thường xuyên uống rượu, bỏ bê vợ con. Do thời gian ly thân đã lâu nên tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn.

[5] Ông Võ Thành C không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu khởi kiện của bà Đ, cũng không đến tham gia hòa giải. Như vậy, ông đã từ chối quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của bị đơn. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa bà Đ và ông C trong cuộc sống hôn nhân đã kéo dài một thời gian, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Điều đó chứng tỏ hôn nhân của ông, bà đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nếu tiếp tục di trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị Anh Đ.

[6] Về con chung: bà Bùi Thị Anh Đ và ông Võ Thành C có 01 (một) con chung tên Võ Thị Anh T, sinh ngày 02/9/2005, lời khai của bà Đ phù hợp với giấy khai sinh số 129, quyển số 01/2007 ngày 07/6/2007. Do thời gian qua bà Đ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử xét về quyền lợi mọi mặt của con và để ổn định về sinh hoạt, mặt tâm lý cho cháu Võ Thị Anh T, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Võ Thị Anh T cho bà Đ được tiếp tục nuôi dưỡng.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: bà Đ không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Do ông C không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết. Nếu sau này khi nào các bên có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[9] Về án phí: Bà Bùi Thị Anh Đ phải chịu án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; khoản 1 Điều 146; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271, khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 8 và Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị Anh Đ được ly hôn với ông Võ Thành C.

[2] Về quan hệ con chung: Bà Bùi Thị Anh Đ và ông Võ Thành C có 01 (một) con chung tên Võ Thị Anh T, sinh ngày 02/9/2005.

Bà Bùi Thị Anh Đ được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Võ Thị Anh T, sinh ngày 02/9/2005.

Ông Võ Thành C không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Bùi Thị Anh Đ không có yêu cầu.

Bà Bùi Thị Anh Đ phải tạo điều kiện cho ông Võ Thành C thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

[3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Bùi Thị Anh Đ phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008141, ngày 17/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX.

[5] Về quyền kháng cáo:

Bà Bùi Thị Anh Đ, ông Võ Thành C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP.L X;
- Chi cục THADS Tp.L X;
- UBND xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Huỳnh Bích Tuyền